

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *133*/CBTT-TRC

Bà Rịa, ngày 17 tháng 10 năm 2023.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

- Mã chứng khoán: **TNC**

- Địa chỉ: Số 256, đường 27/4, P. Phước Hưng, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Điện thoại liên hệ: 02543.823119

Fax: 02543.823120

- E-mail: thongnhat.trc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính quý 3 năm 2023.


3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/10/2023 tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính quý 3 năm 2023.

**Đại diện tổ chức
Người ủy quyền công bố thông tin**



Nguyễn Nhật Thành Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

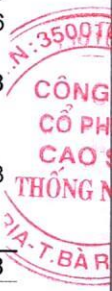
Kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		218,391,842,667	242,318,067,447
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17,045,254,055	3,983,258,871
Tiền	111		17,045,254,055	3,983,258,871
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		156,100,000,000	165,000,000,000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		156,100,000,000	165,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10,971,657,859	21,434,899,867
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		5,889,133,095	18,657,185,445
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3,097,769,622	589,045,918
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		6,901,580,077	7,105,493,439
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4,916,824,935)	(4,916,824,935)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		29,273,730,587	51,883,748,066
Hàng tồn kho	141		29,273,730,587	51,883,748,066
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,001,200,166	16,160,643
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4,972,036,718	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		29,163,448	16,160,643
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		161,309,037,646	161,691,555,908
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		109,191,906,255	88,131,531,923
Tài sản cố định hữu hình	221		109,191,906,255	88,131,531,923
Nguyên giá	222		191,520,615,994	176,458,181,744
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82,328,709,739)	(88,326,649,821)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340,000,000)	(340,000,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		17,137,419,363	40,188,283,718
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17,137,419,363	40,188,283,718
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30,511,175,704	30,511,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3,700,000,000	3,700,000,000



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4,468,536,324	2,860,564,563
Chi phí trả trước dài hạn	261		4,468,536,324	2,860,564,563
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		379,700,880,313	404,009,623,355
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		52,300,361,988	60,237,278,484
I. Nợ ngắn hạn	310		52,300,361,988	50,000,135,771
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1,239,012,585	1,037,111,326
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		589,622,998	80,374,998
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		11,821,729,817	5,557,999,963
Phải trả người lao động	314		2,507,774,114	8,294,774,382
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	312,369,143
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		20,200,611,487	1,995,800,666
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	20,000,000,000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		15,941,610,987	12,721,705,293
Quỹ bình ỏ giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	10,237,142,713
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	10,237,142,713
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		327,400,518,325	343,772,344,871
I. Vốn chủ sở hữu	410		327,400,518,325	343,772,344,871
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		105,832,657,290	95,474,011,654
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29,067,861,035	55,798,333,217
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,362,920,081	4,005,105,033
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27,704,940,954	51,793,228,184
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		379,700,880,313	404,009,623,355

ĐINH TẤN THÔNG TIN
Người lập Bảng

TRẦN HỮU TRÍ
Kế Toán Trưởng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 17 tháng 10 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	Quý 03		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		26,742,534,074	20,753,045,860	96,790,157,267	68,706,279,848
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần	10		26,742,534,074	20,753,045,860	96,790,157,267	68,706,279,848
Giá vốn hàng bán	11		23,309,525,072	17,265,056,412	82,761,057,238	52,860,077,293
Lợi nhuận gộp	20		3,433,009,002	3,487,989,448	14,029,100,029	15,846,202,555
Doanh thu hoạt động tài chính	21		3,412,728,713	2,293,336,950	21,152,758,407	30,564,160,632
Chi phí tài chính	22		-	-	463,756,165	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	24		188,562,251	967,637,381	1,419,311,366	1,840,833,476
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,907,590,118	1,837,147,506	6,209,588,102	5,352,697,113
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		4,749,585,346	2,976,541,511	27,089,202,803	39,216,832,598
Thu nhập khác	31		570,078,781	187,765,630	5,200,033,585	19,351,519,500
Chi phí khác	32		103,487,547	184,481,803	1,328,197,449	3,312,659,774
Lợi nhuận khác	40		466,591,234	3,283,827	3,871,836,136	16,038,859,726
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,216,176,580	2,979,825,338	30,961,038,939	55,255,692,324
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		979,948,548	516,368,049	3,256,097,985	5,408,390,569
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,236,228,032	2,463,457,289	27,704,940,954	49,847,301,755
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		220		1,439	2,589
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		220		1,439	2,589



ĐINH TÂN THÔNG TIN
Người lập Bảng



TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 17 tháng 10 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		30,961,038,939	55,255,692,324
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		9,705,877,329	7,039,447,909
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03			(6,000,000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25,024,594,543)	(43,082,697,676)
Chi phí lãi vay	06			-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		15,642,321,725	19,206,442,557
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(14,465,740,471)	2,381,776,108
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(22,610,017,479)	(6,266,502,068)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		27,805,908,581	(3,175,109,079)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(6,580,008,479)	(2,286,189,989)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5,963,853,569)	(1,973,962,815)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(547,438,543)	(6,800,907,001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6,718,828,235)	1,085,547,713
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		7,988,430,105	(7,917,582,899)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		3,871,836,136	20,927,347,235
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8,900,000,000)	
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20,545,636,184	29,688,739,936
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23,505,902,425	42,698,504,272
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3,725,079,006)	(37,861,580,650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3,725,079,006)	(37,861,580,650)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		13,061,995,184	5,922,471,335
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		3,983,258,871	2,904,736,059
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		17,045,254,055	8,827,207,394

DINH TẤN THÔNG TIN
Người lập Bảng

TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 17 tháng 10 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016, vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3. Ngành nghề kinh doanh:

Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ *Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo sổ về Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức

kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với

mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận trước thuế. Riêng đối với hoạt động sau :

-Hoạt động trồng trọt .chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường cao su Hoà Bình 2.Nông trường cao su Phong phú thuộc địa bàn kinh tế -xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc).Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận trước thuế.

-Hoạt động trồng trọt .chế biến nông sản thực hiện tại Thành phố Bà Rịa không thuộc địa bàn kinh tế -xã hội khó khăn .Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận trước thuế .

15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	954.532.402	534.207.595
- Tiền gửi ngân hàng	16.090.721.653	3.449.051.276
- Các khoản tương đương tiền		
Tổng cộng:	17.045.254.055	3.983.258.871

a) Chi tiết tiền mặt	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	897.669.675		897.669.675
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	46.841.511		46.841.511
Tại quỹ NTCS Phong Phú	92.076		92.076
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	1.536.300		1.536.300
Tại quỹ Đội NN UĐCNC Thống Nhất 2	8.392.840		8.392.840
Tổng cộng:	954.532.402	-	954.532.402

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	Tiền gửi VND	Tiền gửi USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng Tàu	444.723.757		444.723.757
Ngân hàng NN&PTNT Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	33.311.592		33.311.592
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	398.264.056		398.264.056
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	125.390		125.390
BIDVBank - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	4.843.466		4.843.466
Sacombank - CN huyện Châu Đức	15.189.290.941		15.189.290.941
Agribank - CN huyện Châu Đức	16.266.169		16.266.169
Ngân hàng TMCP Kiên Long CN BR – VT	1.295.285		1.295.285
Vietcombank Bà Rịa	2.600.997		2.600.997
Tổng cộng:	16.090.721.653		16.090.721.653

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		-
Tổng cộng:	-	-
Tổng cộng:		-

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
b1) Ngắn hạn	156.100.000.000	156.100.000.000		165.000.000.000	165.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		
b1) Ngắn hạn	156.100.000.000	156.100.000.000	165.000.000.000	165.000.000.000		
- Tiền gửi có kỳ hạn	156.100.000.000	156.100.000.000	165.000.000.000	165.000.000.000		
- Trái phiếu						
b2) Dài hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn						
- Trái phiếu						
- Các khoản đầu tư khác						
Tổng cộng (b1+b2)	156.100.000.000	156.100.000.000	165.000.000.000	165.000.000.000		
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704			26.811.175.704		

(*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3. Phải thu khách hàng	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.889.133.095	4.599.004.935	18.657.185.445	4.599.004.935
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.089.180.000	4.089.180.000	4.089.180.000	4.089.180.000
Công ty TNHH TM Long Phương Uyên	-		54.560.000	
Công ty TNHH MTV SX Khánh Trường Thịnh	-		-	
Công ty TNHH SX TM Hải Gia Phúc	288.852.060		-	
Bà Lại Ngọc Bội			-	
Ông Hoàng Thịnh	170.663.900		-	
Ông Trần Tuấn Thành	790.000.000		803.266.000	
Công ty TNHH SX TMDV XNK Minh Quyền	-		-	
Công ty TNHH SX TM Bảo Nhiên	-		621.724.740	
Bà Nguyễn Thanh Sang	301.000		-	
Ông Nguyễn Tấn Lộc	-		12.398.400.000	
Ông Bùi Văn Quý	40.311.200		-	
Ông Hoàng Quốc Đạt	-		180.229.770	
Các khách hàng là Đại lý bán cám	509.824.935	509.824.935	509.824.935	509.824.935
b) Phải thu của khách hàng dài hạn				
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Tổng cộng:	5.889.133.095	4.599.004.935	18.657.185.445	4.599.004.935

4. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
----------------------------	----------	---------

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.097.769.622		589.045.918
Công ty CP Đất Đỏ	340.000.000		340.000.000
Công ty CP tư vấn và thẩm định giá Đông Nam	82.500.000		82.500.000
Công ty TNHH TM DV XD Tân Thành Phát	20.000.000		20.000.000
Công ty TNHH TM Bảo Minh Anh	77.500.000		
Công ty CP Công Nghệ Nông Nghiệp Xanh	1.496.771.669		
Cơ khí Thanh Hảo	351.600.000		
Hoàng Thị Thu Lý			
Công ty CP Công Nghệ Sinh Học TPECO			
TT Phân tích Môi trường và Đo Đặc Phương Nam	32.500.000		
Công ty TNHH TM DV Cơ Khí Nhôm Kính Hương Việt	73.778.000		
Công ty TNHH XD TM SX Uy Long	387.172.510		63.180.000
Công ty CP Thế Giới Nội Thất Phú Thịnh			
Hộ Kinh Doanh Siêu Thị Nông Nghiệp Giá Rẻ			
Cty TNHH MTV SX TM DV XNK Cánh Đồng Xanh	142.675.225		
Công ty TNHH Cơ Khí và Tự Động Hóa Lâm Thao			
Trả tiền vật tư , nguyên liệu	93.272.218		83.365.918
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-		-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-		-
Tổng cộng:	3.097.769.622		589.045.918

5. Phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	6.901.580.077	-	7.105.493.439	-
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000		317.820.000	
Phải thu bảo hiểm người lao động	494.275.626		123.950.220	
Phải thu thuế TNCN người lao động	389.401.118		366.517.663	
Lãi tiền gửi phải thu	5.567.083.333		6.174.205.556	
Phải thu phụ cấp HĐQT & Ban Kiểm soát				
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	28.000.000		18.000.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)				
Các khoản phải thu – Cty TNHH SX TM XK Minh Quyền	5.000.000		5.000.000	
Phải thu khác	-		-	
Phải thu tiền thuế GTGT tính trước				
Phải thu về cổ phần hóa	100.000.000		100.000.000	
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng:	6.901.580.077		7.105.493.439	

6. Dự phòng phải thu khó đòi	Cuối năm	Đầu năm
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4.916.824.935	4.916.824.935
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.407.000.000	4.407.000.000
Dương Thị Yên	53.000.000	53.000.000
Lê Ngọc Tùng	10.000.340	10.000.340
Dương Minh Chiến	34.379.160	34.379.160
Nguyễn Văn Phước	6.550.000	6.550.000
Lê Thị Trúc Lệ	59.115.235	59.115.235
TT Khuyến Nông	8.320.000	8.320.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Nguyễn Thanh Tự	58.300.000		58.300.000
Anh Hoàng - Long Phước	2.933.500		2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	246.776.700		246.776.700
Nguyễn Thanh Quang	10.450.000		10.450.000
Dương Văn Lợi	20.000.000		20.000.000
b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-		-
c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan	-		-
Tổng cộng:	4.916.824.935		4.916.824.935

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền				
b) Hàng tồn kho				
c) TSCĐ				
d) Tài sản khác				

8. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng cộng:					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường		-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	5.589.170.134		3.714.514.556	
- Công cụ, dụng cụ	2.733.738.218		960.337.560	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.395.624.274		10.636.778.563	-
- Thành phẩm	5.555.197.961		36.572.117.387	
- Hàng hoá	-	-	-	-
Tổng cộng:	29.273.730.587	-	51.883.748.066	-

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
Chi phí trồng tre và chuối tại PP&NTCS Hoà Bình 2	-		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Chi phí trồng keo lai tại NTCS Phong Phú	-			
b) Xây dựng cơ bản dở dang	17.137.419.363	-	40.188.283.718	-
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	2.870.832.693		2.576.765.316	
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	11.521.316.299		34.623.310.835	
Dự án Sầu Riêng	1.389.462.856		2.904.875.078	
Dự án chuối Phong Phú	1.272.475.026			
Vườn Điều tại Đội CS Phong Phú	83.332.489		83.332.489	
Tổng cộng:	17.137.419.363	-	40.188.283.718	-

11 .Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây cao su	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	60.509.422.525	16.819.672.341	6.980.542.080	757.850.891	106.718.146.336	191.785.634.176
- Mua trong năm						-
- Đầu tư XD CB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	60.509.422.525	16.819.672.341	6.980.542.080	757.850.891	106.718.146.336	191.785.634.176
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	38.636.170.548	14.969.432.730	5.557.975.822	742.075.891	20.250.743.366	80.156.398.357
- Khấu hao trong năm	926.858.671	113.732.764	162.987.155	2.151.136	1.306.581.691	2.512.311.417
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	39.563.029.219	15.083.165.494	5.720.962.977	744.227.027	21.557.325.022	82.668.709.739
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	21.873.251.977	1.850.239.611	1.422.566.258	15.775.002	86.467.402.970	111.629.235.819

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

- Tại ngày cuối năm	20.946.393.306	1.736.506.847	1.259.579.103	88.605.684	85.160.821.314	109.191.906.255
---------------------	----------------	---------------	---------------	------------	----------------	-----------------

12. Tăng, giảm TSCĐ vô hình	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	-	340.000.000
- Mua trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				340.000.000
Số dư đầu năm	-	-	-	
- Khấu hao trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	17.713.500.861	12.741.464.143	4.972.036.718
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ	-	4.017.280.723	2.932.966.200	1.084.314.523
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ	-	5.010.475.809	3.941.244.500	1.069.231.309
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ	-	1.924.101.950	1.588.403.543	335.698.407
Chi phí khác (Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)	-	6.761.642.379	4.278.849.900	2.482.792.479
b. Chi phí trả trước dài hạn	2.860.564.563	3.708.367.384	2.100.395.623	4.468.536.324
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	2.860.564.563	3.708.367.384	2.100.395.623	4.468.536.324
Tổng cộng:	2.860.564.563	3.708.367.384	2.100.395.623	4.468.536.324

14. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn:	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ		
b) Dài hạn	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tổng cộng:	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

15. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.239.012.585	1.239.012.585	1.037.111.326	1.037.111.326
Nguyễn Thị Thu Hồng			27.063.387	27.063.387
Bùi Thị Tuyết Nhung			7.423.014	7.423.014
Huỳnh Thị Mỹ Dung			9.351.790	9.351.790
Trần Đức Thuận	463.700.000	463.700.000	-	-
Công ty TNHH Toàn Phát Lộc			114.750.009	114.750.009
Công ty TNHH SX & TM Vôi Hà Nam			70.761.600	70.761.600
Công ty TNHH SX Bình Thuận Phát	125.613.300	125.613.300	70.201.026	70.201.026
Công ty TNHH Hóa Chất Thành Phương	-	-	-	-
Công ty TNHH Quốc Tế Nông Nghiệp Vàng	24.354.285	24.354.285	231.478.000	231.478.000
Công ty CP Công Nghiệp Nông nghiệp Xanh	-	-	60.112.500	60.112.500
Cửa hàng Cơ Khí Thanh Hào	-	-	14.000.000	14.000.000
Công ty TNHH TM DV Tân Trí Phát			-	-
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Đồng Quang			-	-
Công ty Cổ Phần Trí Việt	4.295.000	4.295.000	-	-
Công ty TNHH TM DV XNK Vạn Đạt			-	-
Công ty TNHH Phân Bón Kiến Khoa	621.050.000	621.050.000	431.970.000	431.970.000
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				

16. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	-	-
Công ty TNHH SX TM Thành Long	345.450.000	-
Bùi Văn Quý	-	-
Huỳnh Thị Bích Trâm	-	-
Công ty TNHH Vinh Đại Phát	4.800.000	4.800.000
Lê Thanh Hùng	-	50.000.000
Tiền phải thu từ khách hàng khác	239.372.998	25.574.998
Tổng cộng:	589.622.998	80.374.998

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	269.540.916	3.183.695.473	1.837.542.314	1.615.694.075
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-			
Thuế Xuất nhập khẩu	-			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.279.732.254	3.408.332.559	6.084.023.184	2.604.041.629
Thuế thu nhập cá nhân (*)	7.395.913	465.836.187	499.296.348	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Thuế tài nguyên	1.330.880	5.123.520	9.553.600	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	8.721.455.687	1.119.461.574	7.601.994.113
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
Tổng cộng:	5.557.999.963	15.793.443.426	9.558.877.020	11.821.729.817
Trong đó:				
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	<i>16.160.643</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>29.163.448</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	<i>5.557.999.963</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>11.821.729.817</i>

18. Phải trả người lao động	Cuối năm	Đầu năm
Tiền lương còn lại phải trả	2.507.774.114	8.294.774.382
Tổng cộng:	2.507.774.114	8.294.774.382

19. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	-	312.369.143
Tiền ăn giữa ca	-	-
- <i>Đội cao su Phong Phú</i>	-	16.239.000
- <i>NTCS Hòa Bình</i>	-	113.610.000
- <i>Nhà máy CBM Bàu Non</i>	-	12.654.000
- <i>Đội NNUDCNC Thống Nhất 2</i>	-	7.286.691
<i>Chi phí kiểm toán BCTC</i>	-	162.579.452
b) Dài hạn	-	312.369.143
Tổng cộng:	-	312.369.143

20. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	20.200.611.487	1.995.800.666
<i>Công ty TNHH TK XD Núi Đất</i>	42.000.000	42.000.000
<i>Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn</i>	21.700.000	21.700.000
<i>Công ty TNHH An Hạ</i>	49.200.000	49.200.000
<i>DNTN Lê Khánh</i>	25.000.000	25.000.000
<i>Công ty TNHH Hoàng Diệp</i>	16.695.000	16.695.000
<i>Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong</i>	60.000.000	60.000.000
<i>Cty TNHH MTCL Sài Gòn</i>	14.858.250	14.858.250
<i>Ông Lý Nhân Tâm</i>	-	76.720.000
<i>Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ</i>	26.000.000	26.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK</i>	39.622.000	39.622.000
<i>Cơ khí Thanh Hào</i>	-	35.001.000
<i>Công ty TNHH Vinh Đại Phát</i>	-	-
<i>Công ty TNHH SX TM Hòa Phát Thiện</i>	100.000.000	-
<i>Công ty TNHH Đại Thiên Tân</i>	10.366.296	10.366.296
<i>Công ty TNHH Kyzuna MTV BRVT</i>	-	-
<i>Công ty TNHH SXTMDV-XNK Minh Quyền</i>	234.690.401	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Cổ tức, lợi nhuận phải trả	19.313.052.638	1.331.211.218
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Các khoản phải nộp khác (TCBHXH)	-	-
b) Dài hạn	-	10.237.142.713
Công ty TNHH Kizuna		
Công ty TNHH SX TM DV Minh Quyền	-	10.237.142.713
Tổng cộng:	20.200.611.487	12.232.943.379

21. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	20.000.000.000
Cộng	-	20.000.000.000

22. Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Chi phí hỗ trợ pháp lý				
Chi phí trợ cấp thôi việc				
Tổng cộng:	-	-	-	-

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	6.320.718.950	2.776.430.250	2.609.240.000	6.487.909.200
Quỹ phúc lợi	6.400.986.343	6.478.337.250	3.425.621.806	9.453.701.787
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	-	172.000.000	172.000.000	-
Tổng cộng:	12.721.705.293	9.426.767.500	6.206.861.806	15.941.610.987

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	192.500.000.000	95.474.011.654	55.798.333.217	343.772.344.871
- Lãi trong năm nay	-	-	55.798.333.217	55.798.333.217
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				
- Chia cổ tức				

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

- Phụ cấp HDQT & Ban KS				*
- Giám khác				
Số dư cuối năm trước	192.500.000.000	95.474.011.654	55.798.333.217	343.772.343.871
Số dư đầu năm nay	192.500.000.000	105.832.657.290	29.067.861.035	327.400.518.325
- Lãi trong năm nay				
- Lỗ trong năm nay				
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				
- Trích lập quỹ khen thưởng. Phúc lợi				
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				
- Chia cổ tức				
Số dư cuối kỳ	192.500.000.000	105.832.657.290	29.067.861.035	327.400.518.325
		Số cuối kỳ		Số đầu năm
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)		98.175.000.000		98.175.000.000
- Cổ đông khác (49%)		94.325.000.000		94.325.000.000
Cộng		192.500.000.000		192.500.000.000

c) Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.250.000	19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.250.000</i>	<i>19.250.000</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.250.000</i>	<i>19.250.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<i>19.250.000</i>	<i>19.250.000</i>
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		

* **Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND**

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ		
Ngoại tệ (USD)		
Nợ khó đòi đã xử lý		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán mũ cao su	19.459.820.174	5.299.805.000	63.212.592.867	36.118.145.000
Doanh thu gia công mũ cao su	978.332.000	1.787.478.000	1.982.661.200	3.507.936.600
Doanh thu mũ SVR thu mua				

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

chế biến				
Doanh thu bán chuối xen canh	-	1.650.495.000	1.487.200.000	4.865.707.000
Doanh thu bán chuối	5.438.638.100	12.015.267.860	27.643.411.400	22.861.493.175
Doanh thu bán chuối hợp tác: Hợp tác kinh doanh (Minh Quyền)				
Doanh thu khác	865.743.800	-	2.464.291.800	1.352.998.073
Tổng cộng	26.742.534.074	20.753.045.860	96.790.157.267	68.706.279.848

2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại				
Giảm giá hàng bán				
Hàng bán bị trả lại				
Tổng cộng	-	-	-	-

3. Giá vốn hàng bán:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mũ cao su	17.956.661.292	4.440.761.272	58.436.610.853	26.291.738.089
Giá vốn gia công mũ cao su	779.051.930	1.636.090.215	1.655.442.425	3.199.677.043
Giá vốn mũ SVR thu mua chế biến				
Giá vốn bán chuối xen canh				
Giá vốn bán chuối	4.412.057.000	9.647.085.600	20.731.140.300	18.196.042.836
Giá vốn chuối Hợp tác kinh doanh (Minh Quyền)	-	1.541.119.325	1.095.294.949	4.624.199.325
Giá vốn khác	161.754.850	-	842.568.711	548.420.000
Tổng cộng	23.309.525.072	17.265.056.412	82.761.057.238	52.860.077.293
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho				
Tổng cộng	23.309.525.072	17.265.056.412	82.761.057.238	52.860.077.293

4. Doanh thu hoạt động tài chính:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.412.728.713	2.293.336.950	8.830.273.872	6.282.678.725
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	12.322.484.535	24.281.481.907
Tổng cộng	3.412.728.713	2.293.336.950	21.152.758.407	30.564.160.632

5. Chi phí tài chính:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	-	-	463.756.165	-
Chi phí tài chính khác				
Tổng cộng	-	-	463.756.165	-

6. Chi phí bán hàng:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
-----------------------------	----------------	--	---	--

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí kiểm phẩm mủ cao su và bóc xếp	30.595.037	3.673.675	64.779.037	23.126.675
Chi phí vật tư đóng chuỗi thành phẩm	157.967.214	963.963.706	1.354.532.329	1.817.706.800
Tổng cộng	188.562.251	967.637.381	1.419.311.366	1.840.833.475

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.325.179.958	1.270.917.031	3.892.935.672	3.533.529.519
Khấu hao tài sản cố định	96.187.489	96.187.489	288.562.467	288.562.467
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Chi phí trợ cấp mất việc làm	-	41.149.500	249.137.000	256.954.618
Thuế, phí và lệ phí	-	-	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	486.222.671	428.893.486	1.775.952.963	1.276.650.509
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	-	-	-	(6.000.000)
Tổng cộng	1.907.590.1182	1.837.147.506	6.209.588.102	5.352.697.113
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý				
Tổng cộng	1.907.590.1182	1.837.147.506	6.209.588.102	5.352.697.113

8. Thu nhập khác	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản (Cây cao su thanh lý)	-	-	3.020.000.000	17.821.702.673
Thu từ bán mủ bọt nhà máy, chuỗi thứ phẩm	-	187.765.630	17.200.000	1.289.816.827
Thu khác	570.078.781	-	3.991.834.690	240.000.000
Tổng cộng	570.078.781	187.765.630	7.029.034.690	19.351.519.500
<i>Giảm trừ giá trị còn lại và chi phí thanh lý cây cao su</i>	-	-	(1.829.001.105)	(2.312.071.465)
Tổng cộng	570.078.781	187.765.630	5.200.033.585	17.039.448.035

9. Chi phí khác	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản	-	-	96.267.280	-
Chi phí thanh lý cây cao su	-	-	998.004.731	2.079.872.906
Chi phí khác	103.487.547	184.481.803	233.925.438	1.232.786.868

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

<i>Giảm trừ giá trị còn lại và chi phí thanh lý cây cao su</i>	-	-	-	-
Tổng cộng	103.487.547	184.481.803	1.328.197.449	3.312.659.774

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.236.228.032	2.463.457.290	27.704.940.954	49.857.301.718
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	4.236.228.032	2.463.457.290	27.704.940.954	49.857.301.718
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000	19.250.000	19.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	220	128	1.439	2.589

11. Chi phí SXKD theo yếu tố	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.334.473.379	7.768.177.589	45.894.993.773	16.340.835.897
- Chi phí công cụ dụng cụ	2.063.329.749	422.087.277	6.498.098.147	1.636.195.377
- Chi phí nhân công	12.819.428.357	13.321.175.165	26.657.753.998	23.177.792.339
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.512.311.418	3.831.681.853	7.365.249.932	9.597.866.977
- Chi phí khác bằng tiền	23.693.949.582	10.083.468.463	54.959.423.805	19.975.955.775
Cộng	68.423.492.485	35.426.590.347	141.375.519.655	70.728.646.365

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
3. Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên HĐQT. Ban kiểm toán nội bộ. Ban điều hành. thực nhận trong kỳ.

Phụ cấp Hội đồng Quản Trị và Ban Kiểm Toán Nội Bộ

Họ Và Tên	Chức vụ	Quý III/2023	Lũy kế 9 tháng năm 2023
Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch - HĐQT	10.000.000	70.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Nguyễn Nhật Thành Lâm	Phó Chủ tịch - HĐQT	27.000.000	69.000.000
Nguyễn Văn Thoại	Thành viên - HĐQT	-	30.000.000
Đỗ Khắc Tùng	Thành viên - HĐQT	15.000.000	45.000.000
Phan Văn Phú	Thành viên - HĐQT	15.000.000	45.000.000
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên - HĐQT	25.000.000	55.000.000
Phạm Văn Sơn	Thành viên - HĐQT	15.000.000	45.000.000
Cộng		107.000.000	359.000.000

Lương Ban điều hành Công ty

Họ Và Tên	Chức vụ	Quý III/2023	Lũy kế 9 tháng năm 2023
Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch - HĐQT	108.000.000	324.000.000
Nguyễn Nhật Thành Lâm	Tổng Giám Đốc	102.000.000	306.000.000
Trần Hữu Trí	Kế toán trưởng	60.000.000	180.000.000
Cộng		270.000.000	810.000.000

Giao dịch với các bên có liên quan

Căn cứ tại Điểm 1.1Khoản 1.Điều 7 và Điểm 3.1. Khoản 3. Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(đồng)
-Công ty bán cây cao su gãy đổ cho Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn.Vợ của thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty.	-

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Đội cao su Phong Phú; Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non.Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất : Chuyên khai thác.sơ chế. kinh doanh cao su...

- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế; kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Đơn vị tính: đồng

Báo cáo bộ phận	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này				Cộng
	Văn phòng công ty	Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	Đội NNUDCNC Thống Nhất 1	Đội NNUDCNC Thống Nhất 2	
1, Doanh thu thuần	67.659.545.867	-	1.487.200.000	27.643.411.400	96.790.157.267
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

3. Khấu hao	4.305.843.190	90.267.280	1.127.122.926	1.842.016.536	7.365.249.932
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.011.395.117	90.267.280	391.905.051	5.557.738.771	30.961.038.939
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					
6. Tài sản bộ phận	353.601.542.046	-	8.146.012.797	17.953.325.470	379.700.880.313
7. Tài sản không phân bổ					
Tổng Tài sản	353.601.542.046	-	8.146.012.797	17.953.325.470	379.700.880.313
8. Nợ phải trả bộ phận	52.300.361.988	-	-	-	52.300.361.988
9. Nợ phải trả không bộ phận					
Tổng Nợ phải trả	52.300.361.988	-	-	-	52.300.361.988

Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

5. Thông tin so sánh:

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

Người lập bảng

Đinh Tấn Thông Tín

Kế toán trưởng

Trần Hữu Trí

Bà Rịa, ngày 17 tháng 10 năm 2023

Tổng Giám đốc


Nguyễn Nhật Thành Lâm